TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **04**/2021/QĐHG - HNGĐ	*Yên Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG:

Thẩm phán ra quyết định: Ông Nguyễn Văn Toàn

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 32, 33, 34, 35, 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc ly hôn, tranh chấp con chung giữa:

- *Người khởi kiện:* Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn 16, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bị kiện:* Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn Hoàng Hà 1, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án ngày 22/6/2021,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

- *Người khởi kiện:* Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn 16, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bị kiện:* Anh Lê Anh Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn Hoàng Hà 1, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc D và anh Lê Anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc D và anh Lê Anh Đ xác định vợ chồng có một con chung là cháu Lê Đức Anh V, sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận giao cháu Lê Đức Anh V, sinh ngày 06/7/2014 cho chị Phạm Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi. Anh Lê Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ *(một triệu đồng)*, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Đức được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: không có; Về vay nợ chung: không có.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã T;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Hòa giải viên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Toàn